

KE HOẠCH PHÂN BỐ CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHO TỪNG HỌC KỲ

Trình độ đào tạo: Cao đẳng
Tên ngành: Công nghệ kỹ thuật ô tô

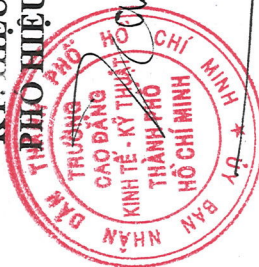
Mã ngành: 6510202

HỌC KỲ 1 (18 Tín chỉ)	HỌC KỲ 2 (17 Tín chỉ)	HỌC KỲ 3 (17 Tín chỉ)	HỌC KỲ 4 (18 Tín chỉ)	HỌC KỲ 5 (13 Tín chỉ)
Tiếng Anh 1 MH3107260, 2(1,1)	Tiếng Anh 2 MH3107261, 2(1,1)	Điện động cơ MH3032653, 2(2,0)	E hệ thống nhiên liệu trên ô tô MH3032642, 2(2,0)	Thực tập kỹ thuật bảo dưỡng ô tô theo định kỳ MH3032656, 3(0,3)
Nguyên lý và kết cấu động cơ đốt trong MH3032640, 3(3,0)	Thực tập động cơ đốt trong MH3032641, 2(0,2)	Thực tập điện động cơ MH3032654, 2(0,2)	Thực tập hệ thống nhiên liệu trên ô tô MH3032655, 2(0,2)	Thực tập chẩn đoán và kiểm định ô tô MH3032659, 3(0,3)
Giáo dục thể chất MH3109105, 2(0,2)	Giao ô tô MH3032645, 3(2,1)	Điện thân xe MH3032647, 2(2,0)	Kỹ thuật gò - hàn sử dụng thân vỏ ô tô MH3032633, 2(1,1)	Thực tập tốt nghiệp MH3032662, 6(0,6)
Công nghệ ô tô và an toàn lao động MH3032639, 3(3,0)	Thực tập gầm ô tô MH3032646, 2(0,2)	Thực tập điện thân xe MH3032648, 2(0,2)	E hệ thống điều hòa trên ô tô MH3032649, 2(1,1)	Tự chọn 1 (6 TC)
Tin học MH3101260, 3(1,2)	Điện - điện tử ô tô MH3032636, 3(2,1)	Vẽ kỹ thuật MH3032634, 3(1,2)	Kỹ thuật lái xe cơ bản MH3032657, 2(1,1)	Tự chọn 2 (6 TC)
Ô tô điện, ô tô lai MH3032668, 3(2,1)	Giáo dục chính trị MH3108021, 5(5,0)	Hệ thống điều khiển khung gầm ô tô MH3032652, 3(2,1)	Bảo dưỡng sửa chữa ô tô điện MH3032669, 2(1,1)	Khóa luận tốt nghiệp MH3032663, 6(0,6)
Pháp luật MH3108103, 2(2,0)	HỌC KỲ HÈ (3 Tín chỉ)	Tiếng Anh chuyên ngành ô tô MH3032643, 3(2,1)	Kỹ thuật sửa chữa son ô tô MH3032661, 4(2,2)	KTSC thân vỏ ô tô MH3032664, 3(1,2)
	Giáo dục Quốc phòng và An ninh MH3109022, 3(2,1)		Quản lý dịch vụ ô tô MH3032644, 2(2,0)	Kỹ thuật chăm sóc và làm đẹp xe MH3032665, 3(1,2)

KT. HIỆU TRƯỞNG
TRẦN VĂN THẠCH CẨM

TRƯỞNG PHÒNG
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO & NCKH

TRƯỞNG KHOA



Trần Văn Thạch Cẩm

Trần Văn Thạch

Trần Văn Thạch

Trần Văn Thạch Cẩm